

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST  
Ngày 25 tháng 8 năm 2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên

*Các hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1962.

HKTT: Khôi..., phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Số ../2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: X, đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Y L Hmok, sinh năm 1968 và bà H'B Knul, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Buôn K, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Tăng H trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 25/12/2017 bà Đỗ Thị P cho vợ chồng ông Y L Hmok, bà H' B Knul vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn trả là ngày 23/01/2018, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay ông Y L Hmok có viết giấy mượn tiền và ký nhận. Trong giấy mượn tiền có ghi tên bà H'B Knul và bà H'B Knul cũng cùng chồng là Y L Hmok đến vay tiền, nhận tiền của bà Đỗ Thị P nhưng bà H'B không ký vào giấy mà để chồng ký giữ.

Quá trình vay vợ chồng ông Y L Hmok, bà H'B Knul đưa cho bà P giữ các giấy tờ sau để làm tin:

- 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY xxx 413 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2015 cho Hộ ông Y L Hmok, bà H'B Knul.

- 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Y L Hmôk, 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H'B Knul.

- 01 bản chính sổ hộ khẩu hộ H'B Knul.

Sau đó ông Y L Hmôk, bà H'B Knul đã lấy lại sổ hộ khẩu.

Quá hạn trả nợ bà Đỗ Thị P đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Y L Hmok, bà H'B Knul không trả tiền cho bà P mà hẹn đi hẹn lại. Đến ngày 02/12/2019 ông Y L Hmôk, bà H'B Knul mới trả cho bà P 5.000.000đ và ngày 15/3/2020 mới trả thêm được 2.000.000đ.

Hiện nay ông Y L Hmôk, bà H'B Knul vẫn còn nợ bà Đỗ Thị P số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi tạm tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 02/6/2020 với lãi suất 0,83%/tháng là 23.461.000đ, trừ số tiền 7.000.000đ đã trả, còn nợ tiền lãi là 16.461.000đ. Do xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình ông Y L Hmôk, bà H'B Knul khó khăn nên bà Đỗ Thị P không yêu cầu trả số tiền lãi còn lại.

Nay bà Đỗ Thị P yêu cầu ông Y L Hmok, bà H'B Knul trả số tiền gốc 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

**Bị đơn ông Y L Hmôk, bà H' B Knul trình bày:**

Ngày 25/12/2017 vợ chồng tôi Y L Hmôk, và H'B Knul có vay của bà P số tiền 100.000.000đ, thời hạn trả là ngày 23/01/2018. Khi vay tôi (Y L) có viết giấy mượn tiền và ký nhận. Trong giấy mượn tiền có ghi tên bà H'B Knul và bà H'B Knul cũng cùng tôi đến vay tiền, nhận tiền của bà P nhưng bà H'B không ký vào giấy mà để tôi ký giùm. Về tiền lãi không ghi vào giấy mượn tiền mà hai bên thỏa thuận tính lãi là 6.000đ/1 triệu/1ngày.

Quá trình vay vợ chồng tôi đưa cho bà P giữ các giấy tờ sau để làm tin:

- 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY xxx413 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2015 cho Hộ ông Y L Hmôk, bà H' B Knul.

- 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Y L Hmôk, 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H'B Knul.

- 01 bản chính sổ hộ khẩu hộ H'B Knul

Khi vay tiền bà P đã lấy luôn tiền lãi 01 tháng là 18.000.000đ. Quá trình vay nợ tôi cũng nhiều lần trả nợ cho bà P, một lần 1.000.000đ, một lần 2.000.000đ, một lần 5.000.000đ và có một lần nữa là 15.000.000đ, khi trả không có giấy tờ gì.

Đến ngày 02/12/2019 vợ chồng tôi tiếp tục trả cho bà P 5.000.000đ và ngày 15/3/2020 trả thêm 2.000.000đ, khi trả thông qua Ngân hàng nên có phiếu chuyển tiền.

Vợ tôi là bà H'B Knul cùng đi với tôi để vay tiền của bà P và cũng trực tiếp nhận tiền. Tuy nhiên, khi viết giấy mượn tiền của bà P tôi viết và ký thay luôn cho vợ tôi. Tôi cam đoan vợ tôi bà H'B Knul cùng thống nhất với ý kiến của tôi và cùng tôi trả khoản nợ trên cho bà P.

Nay bà P không chấp nhận các khoản tôi khai đã trả nhưng không có giấy tờ thì tôi cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Tôi cũng không có ý kiến, yêu cầu gì với số tiền tôi đã trả nợ cho bà P.

Nay bà Đỗ Thị P yêu cầu vợ chồng tôi (Y L Hmôk, H'B Knul) trả số tiền gốc 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, đối với số tiền 7.000.000đ có giấy chuyển tiền của Ngân hàng trừ hết vào tiền lãi. Tôi chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị P, đồng ý trả số tiền 100.000.000đ gốc. Về thời hạn trả nợ đề nghị cho vợ chồng tôi trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi trả xong nợ. Nếu tôi có điều kiện tôi sẽ trả nhiều hơn, nếu bà P không đồng ý thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000đ.

Bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận đã ký kết, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại buôn K, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm

a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Đỗ Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Y L Hmôk, H'B Knul phải trả khoản tiền nợ gốc là 100.000.000<sup>d</sup> và tiền lãi là 23.461.000<sup>d</sup>, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị P đòi bị đơn Y L Hmôk, bà H'B Knul trả 100.000.000đ. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc giấy vay tiền, có nội dung thể hiện ngày 25/12/2017 ông Y L Hmôk và bà H' B Knul ký giấy mượn tiền của bà Đỗ Thị P với số tiền là 100.000.000đ, có thể chấp bìa đồ đất ruộng, 01 sổ hộ khẩu và 02 CMND, thời gian vay nợ từ ngày 25/12/2017 đến ngày 23/01/2018 hoàn trả số tiền đầy đủ. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Y L Hmôk, bà H' B Knul thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà P số tiền 100.000.000đ và xin trả nợ dần, nhưng không được bà P đồng ý. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa các đương sự thể hiện ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Quá hạn trả nợ, bị đơn không trả được là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay quy định tại Điều 466 BLDS. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận hợp đồng vay tài sản trên, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là 23.461.000<sup>d</sup>. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn Y L Hmôk khai đã trả tiền lãi 01 tháng là 18.000.000đ khi vay tiền, nhiều lần trả nợ cho bà P, một lần 1.000.000đ, một lần 2.000.000đ, một lần 5.000.000đ và có một lần nữa là 15.000.000đ, khi trả không có giấy tờ gì, ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn công nhận nên không có căn cứ xem xét.

Đến ngày 02/12/2019 ông Y L trả cho bà P 5.000.000đ và ngày 15/3/2020 trả thêm 2.000.000đ thông qua Ngân hàng, có phiếu chuyển tiền, nguyên đơn bà P công nhận đã nhận khoản tiền trên và trừ vào số tiền lãi 23.461.000<sup>d</sup> – 7.000.000đ = 16.461.000đ. Do ông Y L Hmôk, bà H'B khó khăn nên bà P không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi còn lại.

Việc bà P rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi nói trên là tự nguyện, cần chấp nhận, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 218, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu tính tiền lãi là phù hợp.

[2.3] Việc bà Đỗ Thị P giữ các giấy tờ của ông Y L Hmôk, bà H'B Knul để thế chấp là không phù hợp quy định của pháp luật, cần buộc bà P phải trả lại cho bị đơn các giấy tờ sau:

- 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY xxx413 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2015 cho Hộ ông Y L Hmôk, bà H'B Knul.

- 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Y L Hmôk, 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H'B Knul.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Y L Hmôk, bà H'B Knul là người dân tộc thiểu số sống ở địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218; khoản 2 Điều 219; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị P.

Công nhận hợp đồng vay tài sản lập ngày 25/12/2017 giữa bà Đỗ Thị P với ông Y L Hmôk và bà H'B Knul.

Buộc ông Y L Hmôk và bà H'B Knul phải trả cho bà Đỗ Thị P số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn bà Đỗ Thị P.

2/ Bà Đỗ Thị P phải trả cho ông Y L Hmôk và bà H'B Knul các giấy tờ sau:

- 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY xxx413 do UBND huyện K cấp ngày 14/9/2015 cho Hộ ông Y L Hmôk, bà H'B Knul.

- 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Y L Hmôk, 01 Bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H'B Knul.

3/ Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Y L Hmôk, bà H'B Knul. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.097.000đ theo biên lai số 8538 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đình Tuyên**